TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **105**/2022/HS - PT
Ngày: 13 - 5 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng.**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hữu Thịnh,**
ông **Trần Mạnh Dũng.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thành Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà **Lê Thị Xuân Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số **35/**2022/HS - PT ngày 11 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Võ Quang L. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS - ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **Võ Quang L**, sinh năm 198x; nơi cư trú: thôn QH, xã HT, huyện ĐT, tỉnh LĐ; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Quang L1 và bà Lò Thị Mỹ L2; bị cáo có vợ và 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiến án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 28 tháng 4 năm 1998, bị Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản, chấp hành xong ngày 28 tháng 10 năm 1998;
- Ngày 21 tháng 5 năm 2002, bị Công an tỉnh Quảng Trị bắt về hành vi trộm cắp tài sản;
- Ngày 26 tháng 11 năm 2002, bị Công an huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng đưa vào cơ sở giáo dục 02 năm về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 11 tháng 11 năm 2020, chuyển tạm giam từ ngày 20 tháng 11 năm 2020, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Ngô Việt B, Văn phòng Luật sư SG TN, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 451 Nguyễn Văn L, Phường 1x, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị hại: Cao Thị A, sinh năm 193x;

Địa chỉ: thôn ĐP, xã ĐN, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại: bà Nguyễn Thị Hồng Th, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại thôn ĐP, xã ĐN, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam, Võ Quang L cùng với 02 phụ nữ *(chưa rõ lai lịch)*, bàn bạc, thống nhất lập kế hoạch lợi dụng tình hình thiệt hại do bão, lụt gây ra tại địa phương, sử dụng xe ô tô gắn biển số giả 30A - 184.35 và gắn băng rôn *"Cứu trợ Miền Trung",* giả làm những người cứu trợ bão lụt, tiếp cận bà Cao Thị A, lén lút rạch túi áo, chiếm đoạt của bà Cao Thị A số tiền 6.500.000 đồng và 01 chỉ vàng 98 trị giá 5.350.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt của bị hại là 11.850.000 đồng; chưa xác định được lai lịch của 02 phụ nữ cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo; bị cáo đã bồi thường cho bị hại 12.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số **60**/2021/HS - ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam đã tuyên bố bị cáo **Võ Quang L** phạm các tội Trộm cắp tài sản và *Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức",* căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 173, điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm a, i khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), xử phạt bị cáo Võ Quang L 07 *(bảy)* năm tù về tội Trộm cắp tài sản, 02 *(hai)* năm tù về tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức",* tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 09 *(chín)* năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ *(11/11/2020).*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, bị cáo Võ Quang L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: kháng cáo của bị cáo là hợp pháp; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Quang L về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 173 và tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, và đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án 07 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, 02 năm tù về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành 09 *(chín)* năm tù là có cơ sở, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình chứng cứ mới là hộ cận nghèo, nhưng chứng cứ này không đủ căn cứ pháp lý để đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam;

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo không đồng ý với các tội danh, khung hình phạt theo Bản án sơ thẩm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Luật sư cho rằng: bị cáo phạm tội không có vai trò đồng phạm trong vụ án; bị cáo biết sự việc Trộm cắp tài sản của hai người phụ nữ sau khi tội phạm đã xảy ra; hành vi của bị cáo phạm một tội khác. Tại thời điểm tội phạm xảy ra, thời tiết bình thường nên không có cơ sở để quy kết bị cáo lợi dụng hoàn cảnh thiên tai. Bị cáo gắn biển số giả từ Vũng Tàu ra đến Hà Tĩnh nên quy kết bị cáo về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giải của cơ quan, tổ chức là không có căn cứ; mặt khác, lời khai của bị hại không khách quan,

cơ quan có thẩm quyền không thu giữ được thùng mì tôm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong thu giữ vật chứng, ảnh hưởng đến sự thật khách quan của vụ án. Theo đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Bị cáo thừa nhận phạm tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, không thừa nhận phạm tội Trộm cắp tài sản do chỉ biết việc hai người phụ nữ chiếm đoạt tài sản của bị hại sau khi hành vi phạm tội đã xảy ra. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại đồng ý với quan điểm đề nghị của đại diện Viên kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Võ Quang L kháng cáo trong hạn luật định, việc thụ lý kháng cáo được thực hiện đúng quy định tại các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Quang L không thừa nhận trộm cắp tài sản của bị hại nhưng khai nhận: bị cáo quen biết trước và biết rõ hai người phụ nữ đi cùng là nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật *(bán thuốc giả)* để chiếm đoạt tài sản của người khác và đã thỏa thuận cùng hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật của hai người này; bị cáo đồng ý lái xe, chở hai người phụ nữ đi cùng lên hướng huyện ĐL là để *"kiếm lúa"* – bán thuốc giả lấy tiền; bị cáo lái xe theo sự điều hành của hai người phụ nữ và chấp nhận những việc làm trái pháp luật của hai người phụ nữ thực hiện trên xe; bị cáo biết hai người phụ nữ thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm quyền lợi của bị hại trên xe và hỏi *"làm gì lâu vậy, xong chưa";* trước khi chở hai người phụ nữ đi hướng ĐL, bị cáo tự thực hiện việc tháo biển số thật, thay biển số giả để cơ quan có thẩm quyền không phát hiện bị cáo cùng hai người phụ nữ thực hiện hành vi trái pháp luật và chủ động tháo biển số giả, băng rôn cứu trợ bão lụt vứt xuống sông sau khi đã chiếm đoạt tài sản của bị hại; bị cáo đã nhận 4.000.000 đồng từ hành vi trái pháp luật của hai người phụ nữ đã thực hiện đối với bà A; bị cáo xác nhận tài sản của bị hại bị xâm phạm là do hai người phụ nữ ngồi trên xe của bị cáo chiếm đoạt. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung tố cáo, bản trình bày, lời khai, vật chứng do bị hại cung cấp *(BL 15, 16, 19, 20, 21, 22, 167 – 171)*, bản tự trình bày, lời khai của bị cáo *(BL 133 – 149; 155; 157 - 166)*, biên bản đối chất giữa bị hại và bị cáo *(208, 209)*, biên bản nhận dạng *(BL 115, 117)*, bản ảnh phương tiện bị cáo sử dụng khi phạm tội *(BL 91 – 108)*.

Trên cơ sở đối chiếu lời khai nhận của bị cáo Võ Quang L, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định được: ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại thôn ĐP, xã ĐN, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam, là người quen, hiểu biết cách thức thực hành hành vi vi phạm pháp luật từ trước, Võ Quang L cùng với 02 phụ nữ *(chưa rõ lai lịch)*, trao đổi, thống nhất thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, trong đó L điều khiển phương tiện, hai người phụ nữ tiếp cận, chiếm đoạt tài sản của người khác. Theo đó, L và đồng phạm lợi dụng tình hình thiệt hại do bão, lụt gây ra tại địa phương, sử dụng xe ô tô gắn biển số giả 30A - 184.35 và gắn băng rôn "Cứu trợ Miền Trung", giả làm những người cứu trợ bão lụt, tiếp cận bà Cao Thị A, lén lút rạch túi áo, chiếm

đoạt của bà Cao Thị A số tiền 6.500.000 đồng và 01 chỉ vàng 98 trị giá 5.350.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt của bị hại là 11.850.000 đồng; hai người phụ nữ chia cho bị cáo 4.000.000 đồng; chưa xác định được lai lịch của 02 phụ nữ cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo; bị cáo đã bồi thường cho bị hại 12.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm và kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Võ Quang L về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 173 và tội *Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức* theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc cơ quan có thẩm quyền không thu giữ vật chứng là *"thùng mì tôm"* không làm ảnh hưởng đến sự thật khách quan của vụ án và quyền lợi của người tham gia tố tụng.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo về phần hình phạt

[3.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đúng các tình tiết định khung hình phạt "*Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh"* theo điểm b khoản 3 Đều 173 và *"Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng"* theo điểm b khoản 3 Điều 341, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm a, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) để xử phạt bị cáo 07 *(bảy) năm* tù về tội Trộm cắp tài sản, 02 *(hai)* năm tù về tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* là đã xem xét, quyết định mức hình phạt sát với hoàn cảnh, điều kiện của bị cáo, đáp ứng yêu cầu giáo dục, răn đe những người nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội.

[3.2]. Bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản với nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* để quyết định hình phạt của bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là đúng pháp luật.

[3.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết mới có giá trị làm thay đổi kết quả xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm của người bào chữa về việc xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 60/2021/HS – ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh phần căn cứ áp dụng pháp luật của Bản án sơ thẩm cho phù hợp với yêu cầu quyết định hình phạt đối với từng tội phạm cụ thể thuộc vụ án và hoàn cảnh gia đình của bị cáo theo tình tiết mới.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Võ Quang L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. ***Tuyên xử:***

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Võ Quang L**, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 60/2021/HS – ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam về phần hình phạt.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm a, i khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, xử phạt bị cáo **Võ Quang L** ***07 (bảy) năm tù*** về tội **Trộm cắp tài sản;** căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* xử phạt **Võ Quang L** ***02 (hai) năm tù*** về tội **Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức;** áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, tổng hợp hình phạt chung, buộc bị cáo Võ Quang L phải chấp hành hình phạt là ***09 (chín) năm tù***. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ *(11/11/2020).*

- Buộc bị cáo **Võ Quang L** phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ***(13/5/2022).***

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV06 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở Tư pháp Q.Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Dũng